

LUẬT
NHÀ GIÁO

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Nhà giáo.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động nghề nghiệp, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo; chức danh, chuẩn nghề nghiệp nhà giáo; tuyển dụng, sử dụng nhà giáo; chính sách tiền lương, đãi ngộ đối với nhà giáo; đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế đối với nhà giáo; tôn vinh, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với nhà giáo; quản lý nhà giáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Nhà giáo được tuyển dụng làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo.

Điều 3. Vị trí, vai trò của nhà giáo

- Nhà giáo là lực lượng nòng cốt của ngành giáo dục, có vị thế quan trọng trong xã hội, được tôn trọng, bảo vệ, tôn vinh.
- Nhà giáo có vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục; có vai trò quan trọng trong việc xây dựng nguồn nhân lực, xây dựng xã hội học tập, xã hội số và xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Giáo viên* là nhà giáo giảng dạy, giáo dục chương trình giáo dục mầm

non, chương trình giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình dự bị đại học, chương trình giáo dục đặc biệt đối với người khuyết tật; giảng dạy, giáo dục chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. *Giảng viên* là nhà giáo giảng dạy chương trình đào tạo từ trình độ cao đẳng trở lên; chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; chương trình đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng; chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý nhà nước về nhiệm vụ, kiến thức quốc phòng, an ninh trong trường của lực lượng vũ trang nhân dân.

3. *Cơ quan quản lý giáo dục* là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục hoặc đơn vị có chức năng, thẩm quyền giúp cơ quan quản lý nhà nước các cấp về giáo dục.

4. *Cơ sở giáo dục ngoài công lập* là cơ sở giáo dục dân lập, cơ sở giáo dục tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

5. *Cán bộ quản lý giáo dục* là người thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo phạm vi thẩm quyền được giao trong cơ quan quản lý giáo dục.

6. *Người đứng đầu cơ sở giáo dục* là hiệu trưởng, giám đốc của cơ sở giáo dục, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở giáo dục.

7. *Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục* là người giữ chức vụ quản lý, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong cơ sở giáo dục.

8. *Điều động nhà giáo* là việc chuyển nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập này sang cơ sở giáo dục công lập khác hoặc chuyển nhà giáo từ cơ sở giáo dục công lập sang cơ quan quản lý giáo dục theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

9. *Thuyên chuyển nhà giáo* là việc nhà giáo chuyển từ cơ sở giáo dục công lập này đến cơ sở giáo dục công lập khác hoặc cơ quan, đơn vị khác theo nguyện vọng cá nhân.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý và phát triển nhà giáo

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Thực hiện chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

3. Thực hiện bình đẳng giới.

4. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự chủ, sáng tạo trong hoạt động chuyên môn của nhà giáo.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp; có sự phối hợp giữa các cơ quan quản

lý nhà nước trong quản lý và phát triển nhà giáo.

6. Bảo đảm quyền tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý và phát triển nhà giáo.

Điều 6. Chính sách của Nhà nước về xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo; bảo đảm số lượng, cơ cấu và chất lượng đội ngũ nhà giáo.

2. Thu hút, trọng dụng người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt, người có kỹ năng nghề cao làm nhà giáo.

3. Thu hút nhà giáo tham gia giảng dạy, giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm của nhà giáo trong hoạt động nghề nghiệp.

5. Ưu tiên về tiền lương, chế độ đãi ngộ đối với nhà giáo.

6. Khuyến khích nhà giáo đổi mới, sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp.

7. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng phát triển nghề nghiệp liên tục đối với nhà giáo.

8. Khuyến khích, tạo điều kiện để nhà giáo là công dân Việt Nam tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật với cơ sở giáo dục và tổ chức nước ngoài; nhà giáo, nhà khoa học là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật với cơ sở giáo dục và tổ chức ở Việt Nam.

9. Huy động các nguồn lực xã hội cho việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo.

Chương II

HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ GIÁO

Điều 7. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo

1. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo là hoạt động có tính chuyên nghiệp, đổi mới, sáng tạo, giúp người học phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực thông qua việc giảng dạy, giáo dục và nêu gương cho người học.

2. Nội dung hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo bao gồm:

- a) Chuẩn bị và tổ chức giảng dạy, giáo dục, đánh giá đối với người học;
- b) Học tập, bồi dưỡng;
- c) Nghiên cứu khoa học;

- d) Phục vụ cộng đồng;
- đ) Hoạt động chuyên môn khác.

3. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này được thực hiện theo năm học hoặc khóa học.

4. Hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo được quy định theo cấp học, trình độ đào tạo để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

- a) Giáo viên mầm non thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em theo chương trình giáo dục mầm non;
- b) Giáo viên tiểu học, giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông và giáo viên dự bị đại học thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục môn học, hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục phổ thông và chương trình dự bị đại học;
- c) Giáo viên giáo dục thường xuyên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục theo chương trình giáo dục thường xuyên;
- d) Giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn người học theo chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và chương trình đào tạo nghề nghiệp khác; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- đ) Giảng viên đại học thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, hướng dẫn người học theo chương trình giáo dục đại học; thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học;
- e) Giảng viên trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, hướng dẫn người học theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng.

Điều 8. Quyền của nhà giáo

1. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác của pháp luật có liên quan. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật về lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo còn có các quyền sau đây:

- a) Được giảng dạy, giáo dục phù hợp chuyên môn đào tạo; chủ động phân phối thời lượng, sắp xếp nội dung theo chương trình giáo dục; lựa chọn, sử dụng tài liệu, học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, giáo dục; nhận xét, đánh giá, tham gia khen thưởng, xử lý kỷ luật người học theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;
- b) Được nghiên cứu khoa học và chuyển giao sản phẩm nghiên cứu khoa học, hưởng chính sách ưu đãi trong hoạt động nghiên cứu khoa học; tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp do cơ sở giáo dục đại học thành lập, hoạt động

trong lĩnh vực phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

c) Được tôn trọng, bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm; được đối xử bình đẳng trong hoạt động và phát triển nghề nghiệp;

d) Được nghỉ hè và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật;

đ) Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ;

e) Được tham gia giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục.

Điều 9. Nghĩa vụ của nhà giáo

1. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác của pháp luật có liên quan. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo còn có các nghĩa vụ sau đây:

a) Giảng dạy, giáo dục đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục;

b) Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, nhân phẩm, đạo đức nhà giáo; mẫu mực, nêu gương trong hoạt động nghề nghiệp và ứng xử trong quan hệ xã hội; bảo đảm liêm chính học thuật;

c) Phát huy phẩm chất, năng lực và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu của người học;

d) Tôn trọng, đối xử công bằng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học;

đ) Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; nghiên cứu và áp dụng khoa học giáo dục; cập nhật nâng cao kỹ năng thực hành, tiếp cận công nghệ mới theo quy định của pháp luật;

e) Tham gia xây dựng môi trường giáo dục an toàn, dân chủ, đổi mới, sáng tạo.

Điều 10. Quy định về đạo đức nhà giáo

1. Quy định về đạo đức nhà giáo gồm các quy tắc ứng xử của nhà giáo trong mối quan hệ với người học, đồng nghiệp, gia đình người học và cộng đồng.

2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy tắc ứng xử của nhà giáo.

Điều 11. Những việc không được làm

1. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập không được làm những việc viên chức không được làm theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác

của pháp luật có liên quan. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập không được thực hiện các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động theo quy định của pháp luật về lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo không được làm các việc sau đây:

- a) Phân biệt đối xử giữa những người học dưới mọi hình thức;
- b) Gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong hoạt động tuyển sinh, đánh giá người học;
- c) Ép buộc người học tham gia học thêm dưới mọi hình thức;
- d) Ép buộc người học nộp tiền hoặc hiện vật ngoài quy định của pháp luật;
- đ) Lợi dụng chức danh nhà giáo và hoạt động nghề nghiệp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

3. Những việc tổ chức, cá nhân không được làm đối với nhà giáo bao gồm:

- a) Không thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với nhà giáo theo quy định của pháp luật;
- b) Đăng tải, phát tán thông tin mang tính quy kết về trách nhiệm của nhà giáo trong hoạt động nghề nghiệp khi chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Các việc không được làm khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

CHỨC DANH, CHUẨN NGHỀ NGHIỆP NHÀ GIÁO

Điều 12. Chức danh nhà giáo

- 1. Chức danh nhà giáo là tên gọi thể hiện trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo trong từng cấp học, trình độ đào tạo.
- 2. Chức danh nhà giáo được xác định theo yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp trong từng cấp học, trình độ đào tạo.
- 3. Việc bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo được thực hiện phù hợp với cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- 4. Việc xác định tương đương chức danh nhà giáo trong từng cấp học, trình độ đào tạo thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 13. Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo

- 1. Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo là hệ thống các tiêu chuẩn theo từng chức danh nhà giáo, bao gồm tiêu chuẩn về đạo đức nhà giáo; tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng; tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.
- 2. Chuẩn nghề nghiệp nhà giáo được áp dụng thống nhất đối với nhà giáo

trong cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục ngoài công lập.

3. Cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục sử dụng chuẩn nghề nghiệp nhà giáo trong tuyển dụng, bố trí, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đối với nhà giáo; xây dựng và thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo.

4. Nhà giáo sử dụng chuẩn nghề nghiệp để tự đánh giá phẩm chất, năng lực; xây dựng và thực hiện kế hoạch rèn luyện, bồi dưỡng, phát triển nghề nghiệp liên tục.

5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết chuẩn nghề nghiệp nhà giáo, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết chuẩn nghề nghiệp nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Chương IV

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG NHÀ GIÁO

Điều 14. Tuyển dụng nhà giáo

1. Nội dung và phương thức tuyển dụng nhà giáo được quy định như sau:

- a) Nội dung tuyển dụng căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp nhà giáo;
- b) Phương thức tuyển dụng thông qua thi tuyển hoặc xét tuyển, trong đó phải có thực hành sư phạm.

2. Thẩm quyền tuyển dụng được quy định như sau:

- a) Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập, việc tuyển dụng nhà giáo do người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện;
- b) Đối với cơ sở giáo dục ngoài công lập, việc tuyển dụng nhà giáo do người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục;
- c) Đối với trường của lực lượng vũ trang nhân dân, thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an;
- d) Đối với cơ sở giáo dục không thuộc quy định tại các điểm a, b và c khoản này, thẩm quyền tuyển dụng nhà giáo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Đối tượng được ưu tiên trong tuyển dụng bao gồm:

- a) Người đã làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục tại vị trí việc làm phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng;
- b) Đối với giáo dục nghề nghiệp, ưu tiên người có kỹ năng nghề cao, có kinh nghiệm trong thực tế sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phù hợp với ngành, nghề giảng dạy;
- c) Trường hợp ưu tiên tuyển dụng khác theo quy định của pháp luật.

4. Những người không được đăng ký tuyển dụng bao gồm:

- a) Người mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;
- c) Người đã có tiền án về các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người theo quy định của Bộ luật Hình sự.

5. Hợp đồng đối với nhà giáo bao gồm hợp đồng làm việc thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và hợp đồng lao động thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1, điểm a và điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này; quy định điều kiện, trình tự, thủ tục tuyển dụng nhà giáo là người nước ngoài.

Điều 15. Tiếp nhận nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Đối tượng được xem xét tiếp nhận làm nhà giáo bao gồm những trường hợp được tiếp nhận làm viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức và đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng quy định tại Điều 25 của Luật này.

2. Căn cứ điều kiện đăng ký dự tuyển nhà giáo và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng, cơ quan, người có thẩm quyền tuyển dụng kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển và tổ chức kiểm tra, sát hạch.

3. Căn cứ kết quả kiểm tra, sát hạch, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định tiếp nhận đối với trường hợp đáp ứng yêu cầu, điều kiện, tiêu chuẩn của vị trí việc làm.

4. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, trình tự, thủ tục tiếp nhận nhà giáo.

Điều 16. Chế độ làm việc của nhà giáo

1. Chế độ làm việc của nhà giáo bao gồm thời gian làm việc, thời gian nghỉ hè hằng năm và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian làm việc của nhà giáo là thời gian thực hiện hoạt động nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này.

3. Thời gian nghỉ hè hằng năm và các ngày nghỉ khác của nhà giáo được bố trí phù hợp đối với nhà giáo từng cấp học, trình độ đào tạo và loại hình cơ sở giáo dục theo quy định của Chính phủ.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết chế độ làm việc đối với nhà giáo các cấp học và trình độ đào tạo, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết chế độ làm việc đối với nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 17. Điều động nhà giáo

1. Việc điều động nhà giáo được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

a) Bố trí nhà giáo do sắp xếp lại cơ sở giáo dục hoặc giải quyết tình trạng thừa, thiếu nhà giáo;

b) Giải quyết chính sách đối với nhà giáo sau khi kết thúc thời gian được điều động đến công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Hỗ trợ nâng cao chất lượng giảng dạy, giáo dục, quản lý của cơ sở giáo dục;

d) Theo yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

2. Nguyên tắc điều động nhà giáo được quy định như sau:

a) Nhà giáo được điều động phải đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm sẽ đảm nhận;

b) Công tác điều động nhà giáo phải được thực hiện công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp không thực hiện điều động bao gồm:

a) Nhà giáo nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi; nhà giáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; nhà giáo có vợ hoặc chồng đang được điều động, biệt phái hoặc cử làm nhiệm vụ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Việc điều động nhà giáo vẫn thực hiện đối với đối tượng quy định tại điểm này nếu nhà giáo có nguyện vọng được điều động;

b) Nhà giáo thuộc trường hợp chưa thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết về thẩm quyền, đối tượng điều động nhà giáo; quy định việc bảo lưu chế độ, chính sách trong điều động nhà giáo.

Điều 18. Biệt phái nhà giáo

Biệt phái nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định về biệt phái viên chức của pháp luật về viên chức.

Điều 19. Thuyên chuyển nhà giáo

1. Việc thuyên chuyển nhà giáo phải được sự đồng ý của cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đi và chuyển đến. Cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đi và chuyển đến có trách nhiệm báo cáo cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

2. Các trường hợp không được chuyển bao gồm:

a) Nhà giáo đang trong thời gian bị xem xét, xử lý kỷ luật; đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử;

b) Nhà giáo chưa đủ 03 năm công tác tính từ ngày được tuyển dụng nhà giáo, trừ trường hợp tự nguyện chuyển công tác đến cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

3. Cơ sở giáo dục nơi nhà giáo chuyển đi chấm dứt hợp đồng với nhà giáo; cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị nơi nhà giáo chuyển đến thực hiện việc nhận nhà giáo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 20. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập dạy liên trường, liên cấp

1. Dạy liên trường, liên cấp là việc nhà giáo được cơ quan quản lý giáo dục phân công giảng dạy, giáo dục đồng thời từ 02 cơ sở giáo dục trở lên cùng cấp học hoặc khác cấp học; từ 02 cấp học trở lên trong cơ sở giáo dục có nhiều cấp học; từ 02 trình độ đào tạo trở lên trong cơ sở giáo dục có nhiều trình độ đào tạo.

2. Việc phân công nhà giáo dạy liên trường, liên cấp phải căn cứ vào địa bàn, chuyên môn, nghiệp vụ, chế độ làm việc và bảo đảm chế độ, chính sách của nhà giáo.

3. Các cơ sở giáo dục có nhà giáo dạy liên trường, liên cấp thống nhất việc bố trí, phân công giảng dạy, giáo dục và tạo điều kiện để nhà giáo hoàn thành nhiệm vụ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 21. Nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục

1. Nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực, uy tín theo quy định của pháp luật.

2. Nhà giáo giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được hưởng chế độ, chính sách của chức vụ quản lý; nếu giảng dạy đủ định mức theo quy định của pháp luật thì được hưởng chế độ, chính sách của nhà giáo.

Điều 22. Đánh giá đối với nhà giáo

1. Nhà giáo được đánh giá định kỳ theo năm hoặc theo năm học; đánh giá khi thay đổi vị trí việc làm, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xét khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật và quy định của cơ sở giáo dục.

2. Nội dung đánh giá đối với nhà giáo theo chuẩn nghề nghiệp nhà giáo và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Quy trình, thủ tục đánh giá nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập thực

hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác của pháp luật có liên quan; quy trình, thủ tục đánh giá nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy định của cơ sở giáo dục.

4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương V

CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG, ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 23. Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo

1. Tiền lương và phụ cấp đối với nhà giáo ở cơ sở giáo dục công lập được quy định như sau:

a) Lương của nhà giáo được xếp cao nhất trong hệ thống thang bậc lương hành chính sự nghiệp;

b) Phụ cấp ưu đãi nghề và phụ cấp khác theo tính chất công việc, theo vùng theo quy định của pháp luật;

c) Nhà giáo cấp học mầm non; nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt; nhà giáo thực hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo ở một số ngành, nghề đặc thù được hưởng chế độ tiền lương và phụ cấp cao hơn so với nhà giáo làm việc trong điều kiện bình thường.

2. Tiền lương của nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Nhà giáo công tác ở ngành, nghề có chế độ đặc thù thì được hưởng chế độ đặc thù theo quy định của pháp luật và chỉ được hưởng ở một mức cao nhất nếu chính sách đó trùng với chính sách dành cho nhà giáo.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 24. Chính sách hỗ trợ nhà giáo

1. Chính sách hỗ trợ nhà giáo bao gồm:

a) Chế độ trợ cấp theo tính chất công việc, theo vùng;

b) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng;

c) Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp;

d) Phụ cấp lưu động đối với nhà giáo làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục, biệt phái, dạy tăng cường, dạy liên trường, dạy ở các điểm trường;

đ) Chính sách hỗ trợ khác cho nhà giáo theo quy định của pháp luật về viên chức, pháp luật về lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài chính sách quy định tại khoản 1 Điều này, nhà giáo công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; nhà giáo dạy trường chuyên biệt; nhà giáo thực

hiện giáo dục hòa nhập; nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số; nhà giáo dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh người dân tộc thiểu số; nhà giáo dạy các môn năng khiếu, nghệ thuật được hưởng một số chính sách hỗ trợ trong các chính sách sau đây:

a) Được thuê nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật về nhà ở hoặc được bảo đảm chỗ ở tập thể khi đến công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trường hợp không bố trí được chỗ ở tập thể hoặc nhà ở công vụ thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở theo mức hỗ trợ thuê nhà ở công vụ theo quy định của pháp luật;

b) Được hỗ trợ thanh toán tiền tàu xe trong thời gian làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật;

c) Chế độ phụ cấp, trợ cấp theo đối tượng.

3. Địa phương, cơ sở giáo dục có chính sách hỗ trợ nhà giáo bảo đảm cuộc sống, phát triển nghề nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguồn tài chính của địa phương, cơ sở giáo dục.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 25. Chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo

1. Đối tượng hưởng chính sách thu hút, trọng dụng bao gồm:

a) Người có trình độ cao, người có tài năng, người có năng khiếu đặc biệt, người có kỹ năng nghề cao;

b) Người đến làm việc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Nhà giáo làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong một số lĩnh vực trọng yếu, thiết yếu theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Chính sách thu hút, trọng dụng bao gồm ưu tiên trong tuyển dụng, tiếp nhận; tiền lương, phụ cấp; đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch, bổ nhiệm; điều kiện làm việc, trang thiết bị làm việc; phúc lợi và chính sách khác theo quy định của pháp luật.

3. Địa phương, cơ sở giáo dục có chính sách thu hút, trọng dụng đối với nhà giáo phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguồn tài chính của địa phương, cơ sở giáo dục.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Chế độ nghỉ hưu đối với nhà giáo

1. Tuổi nghỉ hưu của nhà giáo thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 27 của Luật này.

2. Nhà giáo trong cơ sở giáo dục mầm non nếu có nguyện vọng thì có thể

nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện bình thường nhưng không quá 05 tuổi. Trường hợp có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên thì không giảm tỷ lệ phần trăm hưởng lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Điều 27. Chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập

1. Đối tượng có thể hưởng chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn bao gồm nhà giáo có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ tiến sĩ và nhà giáo làm việc trong ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù.

2. Chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn được thực hiện khi cơ sở giáo dục có nhu cầu; nhà giáo có đủ sức khỏe, tự nguyện và đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của cơ sở giáo dục.

3. Thời gian nghỉ hưu ở tuổi cao hơn được quy định như sau:

- a) Không quá 05 tuổi đối với nhà giáo có trình độ tiến sĩ;
- b) Không quá 07 tuổi đối với nhà giáo có chức danh phó giáo sư;
- c) Không quá 10 tuổi đối với nhà giáo có chức danh giáo sư.

4. Trong thời gian thực hiện chế độ nghỉ hưu ở tuổi cao hơn theo quy định tại khoản 3 Điều này, nhà giáo không giữ chức vụ quản lý.

5. Chính phủ quy định chi tiết quy trình, thủ tục nghỉ hưu ở tuổi cao hơn; việc nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với nhà giáo ở ngành, lĩnh vực chuyên sâu đặc thù.

Chương VI

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 28. Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên đối với giáo viên mầm non;

b) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học, cấp học giảng dạy hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học, cấp học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;

c) Có bằng thạc sĩ trở lên đối với nhà giáo giảng dạy trình độ đại học; có bằng tiến sĩ đối với nhà giáo giảng dạy trình độ sau đại học, hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;

d) Trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Chính phủ quy định về trình độ chuẩn được đào tạo đối với nhà giáo dạy môn học đặc thù, nhà giáo dạy tiếng dân tộc thiểu số; nhà giáo giảng dạy ngành, nghề trong lĩnh vực sức khỏe, văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; nhà giáo làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Chính phủ quy định về lộ trình thực hiện trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này. Việc sử dụng nhà giáo chưa đáp ứng trình độ chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trong thời gian thực hiện lộ trình được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 29. Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo

1. Chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo bao gồm:

- a) Đào tạo đáp ứng trình độ chuẩn; đào tạo nâng cao trình độ;
- b) Bồi dưỡng theo chuẩn nghề nghiệp;
- c) Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn, chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý;
- d) Bồi dưỡng thường xuyên.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 30. Trách nhiệm và quyền của nhà giáo khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng

1. Trách nhiệm của nhà giáo khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng bao gồm:

- a) Tham gia đầy đủ và hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng;
- b) Chấp hành nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng;
- c) Có ý thức tự học, học tập suốt đời, phát triển nghề nghiệp liên tục;
- d) Tham gia ý kiến về nội dung chương trình và công tác tổ chức đào tạo, bồi dưỡng;
- đ) Vận dụng kết quả đào tạo, bồi dưỡng vào hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo.

2. Quyền của nhà giáo khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng bao gồm:

a) Được tạo điều kiện về thời gian để tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo chương trình quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này được tính vào thời gian công tác liên tục của nhà giáo;

b) Được hỗ trợ kinh phí khi được cử tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này.

Điều 31. Mục tiêu, nguyên tắc, nội dung, hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo

1. Hợp tác quốc tế đối với nhà giáo nhằm góp phần xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; khẳng định vị thế của nhà giáo là công dân Việt Nam trong hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu khoa học trong khu vực và trên thế giới.

2. Hợp tác quốc tế đối với nhà giáo tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Nội dung hợp tác quốc tế đối với nhà giáo bao gồm:

a) Nhà giáo là công dân Việt Nam tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, hoạt động hợp tác quốc tế khác với cơ sở giáo dục, tổ chức của nước ngoài;

b) Nhà giáo là người nước ngoài tham gia học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật và hoạt động hợp tác quốc tế khác với cơ sở giáo dục, tổ chức của Việt Nam.

4. Hình thức hợp tác quốc tế đối với nhà giáo bao gồm:

a) Trao đổi nhà giáo trong khuôn khổ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về giáo dục;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo tại nước ngoài từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ nước ngoài thông qua Chính phủ Việt Nam hoặc thông qua hợp tác giữa cơ sở giáo dục trong nước với cơ sở giáo dục nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Nhận nhà giáo giảng dạy, làm việc trong cơ sở giáo dục được thành lập theo chương trình, dự án đầu tư được ký kết giữa Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài;

d) Tham gia tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp trong khu vực và trên thế giới;

đ) Tham dự diễn đàn, hội nghị, hội thảo, hoạt động giáo dục trong khu vực và trên thế giới;

e) Nhà giáo là công dân Việt Nam ra nước ngoài và nhà giáo là người nước ngoài đến Việt Nam để học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật theo nhu cầu cá nhân dưới hình thức tự túc hoặc theo hợp đồng.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

TÔN VINH, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM ĐỐI VỚI NHÀ GIÁO

Điều 32. Ngày Nhà giáo Việt Nam

Ngày 20 tháng 11 hằng năm là ngày Nhà giáo Việt Nam.

Điều 33. Phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú

Nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú.

Điều 34. Khen thưởng đối với nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo

1. Việc khen thưởng đối với nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Ngoài hình thức thi đua, khen thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều này, địa phương, cơ sở giáo dục có các hình thức tôn vinh, khen thưởng nhà giáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo phù hợp với điều kiện của địa phương, cơ sở giáo dục.

Điều 35. Xử lý kỷ luật đối với nhà giáo

1. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo là viên chức trong cơ sở giáo dục công lập thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện theo quy định về xử lý kỷ luật đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Việc xử lý kỷ luật đối với nhà giáo không được làm ảnh hưởng đến hoạt động học tập của người học. Quá trình xem xét, xử lý kỷ luật nhà giáo phải bảo đảm tính nhân văn, bảo vệ hình ảnh, uy tín của nhà giáo.

Điều 36. Tạm đình chỉ giảng dạy

1. Trong thời hạn xem xét, xử lý kỷ luật, người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo nếu việc nhà giáo tiếp tục giảng dạy có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật hoặc ảnh hưởng đến uy tín nhà giáo và tâm lý người học; trường hợp người đứng đầu cơ sở giáo dục có dấu hiệu vi phạm thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm người đứng đầu cơ sở giáo dục ra quyết định tạm đình chỉ giảng dạy.

2. Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập, thời gian tạm đình chỉ giảng dạy và tiền lương trong thời gian tạm đình chỉ giảng dạy thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục ngoài công lập, thời gian tạm đình chỉ giảng dạy và tiền lương trong thời gian tạm đình chỉ giảng dạy thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 37. Xử lý vi phạm đối với hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của nhà giáo

1. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của nhà giáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hành vi xâm phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của nhà giáo diễn ra trong phạm vi cơ sở giáo dục hoặc trong khi nhà giáo thực hiện hoạt động nghề nghiệp thì phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

QUẢN LÝ NHÀ GIÁO

Điều 38. Quản lý nhà nước về nhà giáo

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nhà giáo.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo, thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về nhà giáo;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng chiến lược, đề án, kế hoạch phát triển, tổng biên chế đội ngũ nhà giáo thuộc thẩm quyền quản lý trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê duyệt số lượng biên chế nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập;

d) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu, thống kê về nhà giáo;

đ) Kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà giáo;

e) Nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao, thực hiện quản lý nhà nước về nhà giáo.

Điều 39. Quản lý nhà giáo trong cơ sở giáo dục

1. Nội dung quản lý nhà giáo trong cơ sở giáo dục bao gồm:

a) Xây dựng kế hoạch phát triển nhà giáo, đề án vị trí việc làm;

b) Tuyển dụng theo thẩm quyền được giao, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, giải quyết chế độ thôi việc đối với nhà giáo;

c) Bổ nhiệm, thay đổi chức danh nhà giáo;

d) Đánh giá đối với nhà giáo;

- đ) Sắp xếp, bố trí và sử dụng nhà giáo;
- e) Thực hiện việc tạm đình chỉ giảng dạy đối với nhà giáo; khen thưởng, kỷ luật đối với nhà giáo;
- g) Thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, hỗ trợ, thu hút, trọng dụng nhà giáo; chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo;
- h) Xây dựng, quản lý dữ liệu về nhà giáo; thực hiện chế độ báo cáo về nhà giáo;
- i) Tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho hoạt động nghề nghiệp của nhà giáo;
- k) Kiểm tra nội bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với nhà giáo;
- l) Nội dung khác theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục công lập được giao quyền tự chủ, cơ sở giáo dục ngoài công lập thực hiện nội dung quản lý nhà giáo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với cơ sở giáo dục công lập chưa được giao quyền tự chủ, cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở giáo dục thực hiện quản lý nhà giáo hoặc giao người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện nội dung quản lý nhà giáo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Sửa đổi, bổ sung Điều 66 của Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15

Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 66 như sau:

“3a. Mức lương hưu hằng tháng của đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 26 của Luật Nhà giáo được tính như quy định tại khoản 1 Điều này, thời gian nghỉ hưu ở tuổi thấp hơn thì không giảm tỷ lệ phần trăm hưởng lương hưu theo quy định tại khoản 3 Điều này.”.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
2. Việc áp dụng Luật Nhà giáo đối với nhà giáo trong trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, lực lượng vũ trang nhân dân do Chính phủ quy định.

Điều 42. Quy định chuyển tiếp

1. Trường hợp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án, kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện theo đề án, kế hoạch đã được phê duyệt trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

2. Nhà giáo tiếp tục hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo cho đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang nhân dân và người lao động trong doanh nghiệp.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn